

Số: 20/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 16/4/2024

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH

NÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Đâu

2. Ông Nguyễn Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST ngày 01/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1990

Đều ĐKKTT tại: Tổ D, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L và anh Đ đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/10/2016 tại UBND phường G. Hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường

xuyên sây ra cãi nhau, vợ chồng còn ghen tuông và đánh nhau. Chị **L** đã về nhà đẻ ở từ cuối năm 2023 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình 2 bên khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **Đ** không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh **Đ**.

Về con chung: Chị và anh **Đ** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Phúc Bảo L1**, sinh ngày 04/6/2017 và cháu **Nguyễn Hà M**, sinh ngày 24/12/2020. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu **Nguyễn Hà M**, còn để anh **Đ** nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Phúc Bảo L1**. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh Đ trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị Thùy L** kết hôn với nhau ngày 24/06/2016, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**. Trước khi kết hôn, hai bên được tìm hiểu dựa trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc gì, được gia đình 2 bên tổ chức cưới theo phong tục. Lúc đó anh làm ở quỹ TYM, còn vợ anh là nhân viên ở **V**. Sau khi kết hôn, 2 vợ chồng anh về sống chung với mẹ anh tại **số I, tổ D, khu H, phường G, V, Phú Thọ**. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có ghen nhau và xảy ra tranh cãi, vợ chồng sống ly thân. Nay chị **L** làm đơn xin ly hôn, anh mong tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ. Nếu không hòa giải được anh đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Anh và chị **L** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Phúc Bảo L1**, sinh ngày 04/6/2017 và cháu **Nguyễn Hà M**, sinh ngày 24/12/2020. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu **Nguyễn Phúc Bảo L1**, còn chị **L** nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Hà M**. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L,

X:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thùy L được ly hôn anh Nguyễn Anh Đ.

- Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo L1, sinh ngày 04/6/2017 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/12/2020. Chị L và anh Đ thỏa thuận.

Giao cháu L1 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng : Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L là đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ. Anh Đ ĐKKHKT tại tổ D, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, nên yêu cầu khởi kiện của chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội Dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và Nguyễn Anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/10/2016 tại UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ghen tuông nên thường xuyên sảy ra cãi nhau, hiện nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ không nhất trí ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải quyết theo pháp luật. Qua xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương, lời

khai của bà H mẹ đẻ anh Đ cũng xác định chị L và anh Đ thời gian đầu sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau, chị L đã về gia đình nhà đẻ ở từ sau tết cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Quan điểm của bà H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L vẫn kiên quyết ly hôn, anh Đ không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị L đề nghị xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ để chấp nhận nên xử cho chị L được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phúc Bảo L1, sinh ngày 04/6/2017 và cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/12/2020. Khi ly hôn chị L xin được nuôi cháu Nguyễn Hà M còn để anh Đ nuôi cháu Nguyễn Phúc Bảo L1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh Đ nhất trí với quan điểm của chị L. Do vậy cần công nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc giao nuôi con.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp: Chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Anh Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ. Giao cháu Nguyễn Hà M, sinh ngày 24/12/2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Giao cháu Nguyễn Phúc Bảo L1, sinh ngày 04/6/2017 cho anh Nguyễn Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị L và anh

Đ có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về vay nợ chung và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thùy L** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **L** đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 000 5866 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, 9a Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Việt Trì;
- CCTHADS thành phố Việt Trì;
- UBND phường Gia Cẩm;
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Đào